

# CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

SAO Y BẢN CHÍNH  
Số: 383/SY  
Ngày 17 Tháng 1 Năm 2020



*Nguyễn Huỳnh Hoa*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 - 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**1. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty**

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2019 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch
- Ông Trần Quốc Long	Giám đốc
- Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Huân	Phó Giám đốc
- Ông Lê Văn Trinh	Phó Giám đốc

Trong năm 2019, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc.

**2. Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm 2019 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Bà Lương Thị Trúc Giang	Kiểm soát viên chuyên trách
- Bà Trần Thị Hương	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Bà Lương Thị Trúc Giang được bổ nhiệm làm kiểm soát viên chuyên trách thay cho Bà Trần Thị Thu Dung theo Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Rành.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Cơ khí Giao thông.

**Thông tin về công ty con:** Công ty đầu tư 25.000.000.000 để sở hữu 2.500.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000, nắm giữ tương đương 71,29% vốn chủ sở hữu của vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang. Theo Công văn số 2202/VPUBND-KTTH ngày 10/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, thống nhất phương án giải thể và phân chia vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết cổ

1/2019  
AN  
TH  
OÁN  
VIỆ  
T



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

đồng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang ngày 10/05/2019 do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang hoạt động không hiệu quả. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang chính thức giải thể kể từ ngày 10/05/2019.

**4. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

**5. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 28.

**Các kết quả tài chính**

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(1.239.412.610) VND
- Lợi nhuận khác	2.557.580.902 VND
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.318.168.292 VND</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	272.248.664 VND
- <b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.045.919.628 VND</b>

Doanh thu năm 2019 giảm so với năm 2018 số tiền 9.999.890.025 đồng, tương ứng 4,99%. Dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 giảm so với năm 2018 là 1.319.978.592 đồng, tương ứng 50,03%. Nguyên nhân của việc giảm doanh thu nêu trên là do năm 2019 cầu Vàm Cống được chính thức thông xe nên hoạt động kinh doanh phá sụt giảm đáng kể.

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

**6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

- Trong năm 2019, cầu Vàm Cống đã đi vào hoạt động có ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu hoạt động của phà như đã nêu tại điểm 5;
- Ngoài ra, từ ngày 10/05/2019 Công ty con - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang đã chính thức giải thể theo Công văn số 2202/VPUBND-KTTH ngày 10/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Công ty đã thu hồi vốn cũng như xử lý khoản lỗ từ việc đầu tư vào Công ty con này.

**7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Chủ tịch Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty.

**9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**10. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, không có khoản nợ không lương trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu Xương ngày 21 tháng 01 năm 2020  
CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ

CHỖ  
CÔNG  
KIỂM  
SÁM  
TRƯỞNG



Số: 04 /2020/SVCT-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Phà An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 09 tháng 01 năm 2020, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM**

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 \* Fax: (84-028) 3553 3732  
Email: ssvciet1011@vsn.vn

### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Lô 66, đường số 11, Khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Tp.Cần Thơ, 5  
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ  
Tel: (0292) 3765 999 \* Fax: (0292) 3765 766 \* Email: svc-ct@svo.vn

0-001  
IÁNH  
/ TNH  
OÁN  
VIỆT  
P. CÁN







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.865.607.537</b>	<b>75.061.002.598</b>	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>20.205.344.605</i>	<i>45.700.457.214</i>	
1. Tiền	111		1.205.344.605	700.457.214	
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	45.000.000.000	
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	14.000.000.000	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.3</i>	<i>3.347.712.773</i>	<i>1.957.599.359</i>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		73.606.290	312.936.560	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.983.463.000	1.118.271.500	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.342.167.886	563.194.444	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(51.524.403)	(36.803.145)	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>10.670.793.006</i>	<i>11.895.731.043</i>	
1. Hàng tồn kho	141	<i>V.4</i>	10.670.793.006	11.895.731.043	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>2.641.757.153</i>	<i>1.507.214.982</i>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>V.5</i>	2.394.732.063	1.424.727.174	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	<i>V.10</i>	247.025.090	82.487.808	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>320.109.829.801</b>	<b>316.632.407.676</b>	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>80.091.187.944</i>	<i>88.043.472.220</i>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.6</i>	78.920.948.489	86.873.232.765	
- Nguyên giá	222		335.682.210.668	323.530.234.841	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(256.761.262.179)	(236.657.002.076)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.7</i>	1.170.239.455	1.170.239.455	
- Nguyên giá	228		1.170.239.455	1.170.239.455	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-	
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>240.018.641.857</i>	<i>213.270.675.821</i>	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<i>V.8</i>	240.018.641.857	213.270.675.821	
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.9</i>	<i>-</i>	<i>15.318.259.635</i>	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	25.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.681.740.365)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-	
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>376.975.437.338</b>	<b>391.693.410.274</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.227.668.742</b>	<b>30.986.132.558</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>9.563.844.227</b>	<b>25.041.227.089</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.855.546.539	8.450.944.089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.873.807.116	1.892.858.198
4. Phải trả người lao động	314		1.418.937.883	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.062.422	222.345.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		73.391.177	69.048.940
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.978.775.195	12.974.452.241
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	351.523.893	1.431.578.621
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>6.663.824.515</b>	<b>5.944.905.469</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	6.354.077.683	5.700.059.403
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	309.746.832	244.846.066
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>360.747.768.596</b>	<b>360.707.277.716</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>	V.16	<b>360.747.768.596</b>	<b>360.707.277.716</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		353.597.303.590	360.707.277.716
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		7.150.465.006	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>376.976.437.338</b>	<b>391.693.410.274</b>



Nguyễn Kim Thơ  
Người lập



Phan Hữu Hiền  
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà  
Chủ tịch Công ty  
Long Xuyên, ngày 09 tháng 01 năm 2020



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		190.401.595.774	200.401.485.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	190.401.595.774	200.401.485.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	181.206.439.539	187.017.568.447
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	9.195.156.235	13.383.917.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	2.929.570.031	2.671.844.066
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(2.613.205.579)	(880.818.084)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		294.329.708	246.089.506
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	15.977.344.455	15.879.749.948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.239.412.610)	1.056.829.554
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.050.772.333	1.872.667.080
12. Chi phí khác	32	VI.6	493.191.431	291.349.750
13. Lợi nhuận khác	40		2.557.580.902	1.581.317.330
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.10	1.318.168.292	2.638.146.884
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	272.248.664	527.629.377
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	1.045.919.628	2.110.517.507



Nguyễn Kim Thơ  
Người lập



Phan Hữu Hiền  
Kế toán trưởng





Phạm Châu Hà  
Chủ tịch Công ty  
Long Xuyên, ngày 09 tháng 01 năm 2020

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số : B 03 - DN

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	79.759.680.681	87.377.566.896
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(83.618.954.747)	(62.559.947.057)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(47.018.131.494)	(52.443.161.134)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(246.089.506)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(739.742.483)	(615.448.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	68.863.236.257	157.958.685.952
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(74.841.306.982)	(138.088.595.849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<b>(57.595.218.768)</b>	<b>(8.616.988.698)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.133.355.476)	(3.606.521.204)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.500.000.000)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	73.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.816.738.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.722.214.475	2.433.149.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<b>31.405.596.999</b>	<b>(15.173.371.582)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	40.490.880	7.109.974.126
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.935.378.280	2.742.888.803
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.281.360.000)	(2.175.110.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<b>694.509.160</b>	<b>7.677.752.929</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<b>(25.495.112.609)</b>	<b>(16.112.607.351)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.700.457.214	61.813.064.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<b>20.205.344.605</b>	<b>45.700.457.214</b>



Nguyễn Kim Thơ  
Người lập



Phan Hữu Hiền  
Kế toán trưởng





Phạm Châu Hà  
Chủ tịch Công ty  
Long Xuyên, ngày 09 tháng 01 năm 2020



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/08/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 437.000.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2019 là 360.747768596.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Vận tải, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Cơ khí Giao thông.

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:** không có.

**Thông tin về công ty con:** Công ty đầu tư 25.000.000.000 để sở hữu 2.500.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000, nắm giữ tương đương 71,29% vốn chủ sở hữu của vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang. Theo Công văn số 2202/VPUBND-KTTH ngày 10/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, thống nhất phương án giải thể và phân chia vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang ngày 10/05/2019 do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang hoạt động không hiệu quả. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang chính thức giải thể kể từ ngày 10/05/2019.

7. **Thông tin so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỷ kế toán năm**

Kỷ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

**4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2019, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

**6. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2019, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương**

Trong năm 2019, Công ty trích quỹ lương viên chức quản lý và quỹ lương cán bộ, công nhân viên vào chi phí căn cứ theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 19/07/2019 và Công văn số 6387/VPUBND-KTTN ngày 12/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.



**CÔNG TY TNHH MTV PHẢ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2019, chi phí đi vay được vốn hóa là 306.576.436.

**13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2018, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính*

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng (lên khác)*

định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2019, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**17. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	443.116.940	487.865.401
Tiền gửi ngân hàng	762.227.665 (a)	212.591.813
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000 (b)	45.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.205.344.605</u></b>	<b><u>45.700.457.214</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

<b>Ngân hàng</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	589.711.748	98.348.120
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	160.786.456	78.612.385
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	11.729.461	35.631.308
<b>Cộng</b>	<b><u>762.227.665</u></b>	<b><u>212.591.813</u></b>



**CÔNG TY TNHH MTV PHẢ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

<b>Ngân hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	15.000.000.000	34.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	4.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

<b>Ngân hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	20.000.000.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	73.606.290	312.936.560
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.983.463.000 (c)	1.118.271.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.342.167.886	583.194.444
- Phải thu ngắn hạn khác	1.072.167.886 (d)	238.694.444
- Tạm ứng	270.000.000 (e)	324.500.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.524.403) (f)	(36.803.145)
<b>Cộng</b>	<b>3.347.712.773</b>	<b>1.957.599.359</b>

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

<b>Người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đông Nam Á	759.404.000	-
- BQL Dự án ĐTXD và PTĐT tỉnh An Giang	283.439.000	331.041.000
- Công ty TNHH TM và DV HTT Phi Long	253.308.000	163.727.500
- Các nhà cung cấp khác	687.312.000	623.503.000
<b>Cộng</b>	<b>1.983.463.000</b>	<b>1.118.271.500</b>

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	207.355.556	238.694.444
- Phải thu về cổ phần hóa	864.812.330	-
<b>Cộng</b>	<b>1.072.167.886</b>	<b>238.694.444</b>

09/09/2019  
 BAN THỰC DẪN  
 CÔNG TY TNHH MTV PHẢ AN GIANG

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Đây là số tiền tạm ứng công tác của cán bộ, công nhân viên Công ty.

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2019 theo tuổi nợ như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	73.606.290	70%	51.524.403	51.524.403	-
<b>Cộng</b>	<b>73.606.290</b>		<b>51.524.403</b>	<b>51.524.403</b>	<b>-</b>

Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2019 theo khoản mục nợ như sau:

	Nợ khó đòi	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
<b>Phải thu NH khách hàng</b>	<b>73.606.290</b>	<b>51.524.403</b>	<b>51.524.403</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đạt Minh	44.383.890	31.068.723	31.068.723	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Giang	29.222.400	20.455.680	20.455.680	-
<b>Cộng</b>	<b>73.606.290</b>	<b>51.524.403</b>	<b>51.524.403</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.803.145	-
Trích lập dự phòng bổ sung	14.721.258	36.803.145
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.524.403</b>	<b>36.803.145</b>

**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	9.646.576.599 (g)	11.138.701.467
Công cụ, dụng cụ trong kho	288.581.238 (h)	419.102.701
Hàng hóa	735.635.169 (i)	337.926.875
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>10.670.793.006</b>	<b>11.895.731.043</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu chính	7.940.132.065	9.478.823.198
- Nhiên liệu	1.706.444.534	1.659.878.269
<b>Cộng</b>	<b>9.646.576.599</b>	<b>11.138.701.467</b>



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(h) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

<b>Công cụ, dụng cụ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vé phà, vé cầu đường	228.334.038	341.025.180
- Công cụ, dụng cụ	9.180.000	17.681.121
- Thẻ nhựa	51.067.200	60.396.400
<b>Cộng</b>	<b>288.581.238</b>	<b>419.102.701</b>

(i) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

<b>Hàng hóa</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Xăng các loại	443.230.825	247.875.812
- Dầu các loại	281.152.053	35.830.105
- Nhớt các loại	11.252.291	54.220.958
<b>Cộng</b>	<b>735.635.169</b>	<b>337.926.875</b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phí sử dụng đường bộ	2.939.000	4.879.274
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản chờ phân bổ	2.275.000.000	1.291.445.000
- Chi phí internet, cước dịch vụ VNPT, truyền hình cáp	4.754.700	10.232.900
- Lớp học chứng chỉ chuyên môn thuyền máy trưởng	64.000.000	-
- Chi phí thuê đất bến phà Châu Giang	-	118.170.000
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.038.363	-
<b>Cộng</b>	<b>2.394.732.063</b>	<b>1.424.727.174</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá</b>	<b>323.530.234.841</b>	<b>14.213.365.144</b>	<b>2.061.389.317</b>	<b>335.682.210.668</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	68.358.525.852	134.154.840	-	68.490.680.692
- Máy móc, thiết bị	3.188.358.924	80.878.364	-	3.269.237.288
- PT vận tải, TB truyền dẫn	250.721.099.345	13.998.331.940	2.061.389.317	282.658.041.968
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.264.250.720	-	-	1.264.250.720
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>236.657.002.076</b>	<b>23.564.974.216</b>	<b>3.460.714.113</b>	<b>256.761.262.179</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25.966.754.853	2.424.131.492	1.459.782.687	26.931.103.658
- Máy móc, thiết bị	1.740.329.351	417.466.455	-	2.157.795.806
- PT vận tải, TB truyền dẫn	207.689.202.506	20.719.850.915	2.000.931.426	226.408.121.995
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.280.715.366	3.535.354	-	1.284.250.720
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>86.873.232.765</b>			<b>78.920.948.489</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	42.271.970.999			41.559.577.034
- Máy móc, thiết bị	1.448.029.573			1.111.451.482
- PT vận tải, TB truyền dẫn	43.031.896.839			36.249.919.973
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	121.335.354			-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2019 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Hoàn cải, nâng cấp các phà	10.698.551.359
- Máy Caterpillar 400CV phà An Hòa	1.692.555.816
- Hộp sán cầu dẫn bờ Hòa Bình – phà An Hòa (đoạn 30m)	651.404.299
- Làm mới 32 hộp sán cầu HL93 bờ Hòa Bình – phà An Hòa	635.265.062
- Các tài sản cố định hữu hình khác	535.588.608
<b>Cộng</b>	<b><u>14.213.365.144</u></b>

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2019 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý hộp sán cầu dẫn bờ Hòa Bình – phà An Hòa	1.584.574.364
- Thanh lý máy Caterpillar DP phà An Hòa	476.814.953
<b>Cộng</b>	<b><u>2.061.389.317</u></b>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2019 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh trong năm	23.564.974.216
<b>Cộng</b>	<b><u>23.564.974.216</u></b>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2019 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Điều chỉnh giảm hao mòn lũy kế của chi phí bồi hoàn dân cư bờ Chợ Mới – phà Mường Ranh không phải trích khấu hao	1.459.782.687
- Hao mòn lũy kế của các tài sản cố định hữu hình thanh lý	2.000.931.426
<b>Cộng</b>	<b><u>3.460.714.113</u></b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.378.361.466
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 153.510.308.055
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>1.170.239.455</b>	-	-	<b>1.170.239.455</b>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	1.170.239.455	-	-	1.170.239.455
<b>Hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.170.239.455</b>			<b>1.170.239.455</b>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	1.170.239.455			1.170.239.455

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng liên khác)*

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đường tỉnh lộ 944	167.196.221.112	161.068.833.748
- Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự	23.458.426.027	15.121.876.487
- Chi phí sửa chữa phương tiện phà	35.557.724.855	28.342.458.798
- Bến chính phà Thuận Giang	7.003.002.006	1.854.660.675
- Bến phà Mương Ranh	4.139.776.990	4.099.286.110
- Ponton cầu dẫn phà Hàm Luông	2.425.865.958	1.108.981.958
- Các công trình khác	237.624.909	1.674.578.045
<b>Cộng</b>	<b><u>240.018.641.857</u></b>	<b><u>213.270.675.821</u></b>

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Công ty con</b>	-	-	25.000.000.000	9.681.740.365
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang (*)	-	-	25.000.000.000	9.681.740.365
<b>Cộng</b>	-	-	<b><u>25.000.000.000</u></b>	<b><u>9.681.740.365</u></b>

(\*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang, Công ty đầu tư 25.000.000.000 để sở hữu 2.500.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000, nắm giữ tương đương 71,29% vốn chủ sở hữu. Theo Công văn số 2202/VPUBND-KTTH ngày 10/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, thống nhất phương án giải thể và phân chia vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết cổ đông Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang ngày 10/05/2019 do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang hoạt động không hiệu quả. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang chính thức giải thể kể từ ngày 10/05/2019. Kết quả đầu tư cụ thể như sau:

	<u>Số tiền</u>
Giá gốc đầu tư	25.000.000.000
Giá trị thu hồi	18.225.795.000
Kết quả đầu tư	6.774.205.000

**Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.681.740.365	10.808.647.955
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(9.681.740.365)	(1.126.907.590)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.681.740.365</u></b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- CN Công ty CP Dầu khí Mê Kông tại An Giang	1.775.017.000	970.607.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật – Dịch vụ Song Long	527.721.700	67.729.200

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Trang thiết bị Nông nghiệp Minh Phước Thịnh	372.724.000	283.124.011
- Các nhà cung cấp khác	1.180.083.839	7.129.483.878
<b>Cộng</b>	<b>3.855.546.539</b>	<b>8.450.944.089</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	756.131.182	8.812.488.640	8.905.222.249	663.397.573
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(71.487.808)	564.205.201	739.742.483	(247.025.090)
- Thuế thu nhập cá nhân	1.136.727.016	2.433.941.136	2.360.458.607	1.210.209.545
- Tiền thuế đất	-	1.162.212.894	1.162.212.894	-
- Các loại thuế khác	(11.000.000)	11.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.810.370.390</b>	<b>12.983.847.871</b>	<b>13.167.636.233</b>	<b>1.626.582.028</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	547.217.260	42.056.535
- Bảo hiểm hành khách	63.094.445	75.597.790
- Chi phí bảo hành công trình	956.873.900	12.348.327.060
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	411.589.590	508.470.856
<b>Cộng</b>	<b>1.978.775.195</b>	<b>12.974.452.241</b>

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	-	661.487.169
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	19.042.643	311.031.250
- Quỹ phúc lợi	332.481.250	459.060.202
<b>Cộng</b>	<b>351.523.893</b>	<b>1.431.578.621</b>

*Các Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính.*

**14. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để đầu tư bến phà Tân Châu – Hồng Ngự	3.202.428.000	-
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để đầu tư nâng cấp bến phà Thuận Giang	1.632.089.083	2.374.138.803



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng liên khác)*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn CN Ngân hàng Phát triển khu vực Đồng Tháp – An Giang để đầu tư nâng cấp phà 60 tấn, đóng mới phà tự hành 200T & ponton dự phòng 500T	1.473.000.600	2.946.000.600
- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang để hoán cải phà A-60	46.560.000	379.920.000
<b>Cộng</b>	<b>6.354.077.683</b>	<b>5.700.059.403</b>

**15. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	309.746.832 (j)	244.846.066
<b>Cộng</b>	<b>309.746.832</b>	<b>244.846.066</b>

(j) Đây là khoản Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài Chính.

**16. Vốn chủ sở hữu**

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	360.223.905.115	7.109.974.126	6.626.601.525	360.707.277.716
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.110.517.507	2.110.517.507	-
<b>Cộng</b>	<b>360.223.905.115</b>	<b>9.220.491.633</b>	<b>8.737.119.032</b>	<b>360.707.277.716</b>

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	360.707.277.716	-	7.109.974.126	353.597.303.590
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.505.702.315	2.505.702.315	-
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	7.150.465.006	-	7.150.465.006
<b>Cộng</b>	<b>360.707.277.716</b>	<b>9.656.167.321</b>	<b>9.615.676.441</b>	<b>360.747.768.596</b>

Vốn góp của chủ sở hữu giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Điều chuyển chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Bến phà Mương Rạnh theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/05/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đang trong giai đoạn thực hiện sang nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	7.109.974.126
<b>Cộng</b>	<b>7.109.974.126</b>



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân sách tỉnh hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Bến phà Mương Ranh theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/05/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	40.490.880
- Điều chuyển chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Bến phà Mương Ranh theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/05/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đang trong giai đoạn thực hiện từ vốn góp của chủ sở hữu sang	7.109.974.126
<b>Cộng</b>	<b>7.150.465.006</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Bến An Hòa	71.395.490.117	50.887.051.172	20.508.438.945	28,73%
- Bến Trà Ôn	10.314.868.703	7.704.705.353	2.610.163.350	25,30%
- Bến Ô Mồi	975.916.097	2.917.765.992	(1.941.849.895)	(198,98%)
- Bến Năng Gủ	13.370.807.681	16.717.042.247	(3.346.234.566)	(25,03%)
- Bến Châu Giang	36.078.883.911	25.316.331.365	10.762.552.546	29,83%
- Bến phụ Châu Giang	798.878.433	1.422.489.512	(623.611.079)	(78,06%)
- Bến Tân An	7.203.264.126	6.028.412.336	1.174.851.790	16,31%
- Bến Tân Châu	16.460.799.401	26.317.510.743	(9.856.711.342)	(59,88%)
- Bến Thuận Giang	16.933.703.840	17.382.343.019	(448.639.179)	(2,65%)
- Bến Mương Ranh	6.375.455.803	11.452.605.806	(5.077.150.003)	(79,64%)
- Cửa hàng Xăng dầu	20.273.076.777	20.783.488.910	(510.412.133)	(2,52%)
- Liên kết đào tạo	220.340.910	87.821.992	132.518.918	60,14%
<b>Cộng</b>	<b>200.401.485.799</b>	<b>187.017.568.447</b>	<b>13.383.917.352</b>	<b>6,68%</b>

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Bến An Hòa	63.799.833.083	50.007.685.234	13.792.147.849	21,62%
- Bến Trà Ôn	11.888.931.204	8.092.916.622	3.596.014.582	30,76%
- Bến Ô Mồi	835.909.570	2.846.181.498	(2.010.271.928)	(240,49%)
- Bến Năng Gủ	15.043.407.652	16.594.769.983	(1.551.362.331)	(10,31%)
- Bến Châu Giang	37.353.845.943	26.941.969.610	10.411.876.333	27,87%
- Bến phụ Châu Giang	770.036.607	1.750.904.859	(980.868.252)	(127,38%)
- Bến Tân An	1.376.609.819	1.443.174.582	(66.564.763)	(4,84%)
- Bến Tân Châu	15.645.500.733	25.908.953.149	(10.263.452.416)	(65,60%)
- Bến Thuận Giang	18.017.467.433	18.249.844.979	(232.377.546)	(1,29%)
- Bến Mương Ranh	7.548.903.728	11.217.955.544	(3.669.051.816)	(48,60%)
- Cửa hàng Xăng dầu	17.010.745.594	18.013.693.206	(1.002.946.612)	(5,90%)
- Liên kết đào tạo	310.403.408	138.390.273	172.013.135	55,42%
<b>Cộng</b>	<b>190.401.595.774</b>	<b>181.206.439.539</b>	<b>9.195.156.235</b>	<b>4,83%</b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.929.570.031	2.671.844.066
<b>Cộng</b>	<b>2.929.570.031</b>	<b>2.671.844.066</b>

**3. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	294.329.708	246.089.506
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.907.535.287)	(1.126.907.590)
<b>Cộng</b>	<b>(2.613.205.579)</b>	<b>(880.818.084)</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.095.876.477	7.596.745.295
- Chi phí vật liệu quản lý	107.059.531	132.036.901
- Chi phí đồ dùng văn phòng	214.916.184	217.356.328
- Chi phí khấu hao TSCĐ	607.011.902	682.333.378
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	14.844.864
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.957.407.391	4.257.866.966
- Chi phí bằng tiền khác	2.992.072.970	2.978.566.216
<b>Cộng</b>	<b>15.977.344.455</b>	<b>15.879.749.948</b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	254.090.909
- Chi phí thanh lý tài sản	-	13.430.000
Lãi từ thanh lý tài sản	-	240.660.909
Thu nhập từ bán phế liệu	311.416.729	377.385.454
Thu tiền cho thuê vẽ quảng cáo trên phà, cho thuê mặt bằng	219.624.667	246.560.123
Xử lý kết quả kiểm kê thừa	2.252.120.478	807.615.000
Thu bồi thường	68.570.455	-
Các khoản thu nhập khác	199.040.004	200.445.594
<b>Cộng</b>	<b>3.050.772.333</b>	<b>1.872.667.080</b>

**6. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	-
- Chi phí thanh lý tài sản	60.457.891	-
Lỗ từ thanh lý tài sản	60.457.891	-
- Giá vốn của phế liệu thanh lý	11.000.000	12.416.705

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**CÔNG TY TNHH MTV PHẢ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng liên khác)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	312.130.792	278.933.045
- Các khoản chi phí khác	109.602.748	-
<b>Cộng</b>	<b><u>493.191.431</u></b>	<b><u>291.349.750</u></b>
<b>7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.630.934.554	50.044.574.676
- Chi phí nhân công	66.685.644.613	71.245.995.893
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23.248.365.618	28.054.515.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.957.407.391	4.357.866.966
- Chi phí bằng tiền khác	2.992.072.970	2.978.566.216
<b>Cộng</b>	<b><u>142.514.425.146</u></b>	<b><u>156.681.519.301</u></b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	272.248.664	527.629.377
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>272.248.664</u>	<u>527.629.377</u>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>-</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**10. Phân phối lợi nhuận**

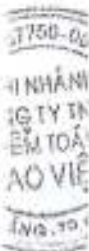
<i>Lợi nhuận kế toán năm trước tăng do hoàn nhập chi phí khấu hao từ năm 2016 đến năm 2018 đối với chi phí bồi hoàn dân cư bờ Chợ Mới – phà Mường Rang</i>	<b>1.459.782.687</b>
<i>Phân phối trong năm 2019</i>	<b>1.459.782.687</b>
- Nộp bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành từ năm 2016 đến năm 2018 (20%)	291.956.537
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ năm 2016 đến năm 2018	1.167.826.150
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019</i>	<b>1.318.168.292</b>
<i>Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế</i>	<b>43.075.028</b>
- Phạt chậm nộp thuế	33.075.028
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	10.000.000
<i>Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2019</i>	<b>1.361.243.320</b>
Trừ	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	272.248.664
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
<i>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2019</i>	<b>1.045.919.628</b>
- Trích lập quỹ thường Ban điều hành	255.900.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	790.019.628
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2019</i>	-

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:** không có.
- Thông tin về các bên có liên quan:** không có.
- Thông tin so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** không có.



**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

7. Những thông tin khác: không có.

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN KIM THƠ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHAN HỮU HIỀN

Long Xuyên, ngày 09 tháng 01 năm 2020

CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ

